

MÃ ĐỀ: 105

Lưu ý: Câu trắc nghiệm học sinh tô tròn bằng viết chì vào phiếu trả lời. Thí sinh nhớ ghi lại số báo danh và mã đề thi vào bài thi.

1. Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng lớn nhất là
 - A. cây ăn quả.
 - B. cây công nghiệp.
 - C. cây lương thực.
 - D. cây rau đậu.
2. Ở miền Nam đai nhiệt đới gió mùa phân bố lên đến độ cao
 - A. 900 – 1000m.
 - B. 1600 – 1700m.
 - C. trên 2600m.
 - D. dưới 600 – 700m.
3. Quá trình chuyển dịch nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ở nước ta thể hiện rõ qua việc
 - A. các mô hình kinh tế hộ gia đình được phát triển và phân bố rộng khắp.
 - B. các loại nông sản được sản xuất ra với chất lượng ngày càng cao.
 - C. hình thành các vùng chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến.
 - D. cơ sở vật chất của nông nghiệp được cải tiến, tăng cường.
4. Vùng có hướng chuyên môn hóa chăn nuôi gia súc lớn và nuôi trồng thủy sản ở nước ta là
 - A. Đồng bằng sông Cửu Long.
 - B. Tây Nguyên.
 - C. Bắc Trung Bộ.
 - D. Đồng bằng sông Hồng.
5. Kiểu thời tiết điển hình của Nam Bộ vào thời kì mùa đông (tháng 11 đến tháng 4 năm sau) là
 - A. nắng, thời tiết ổn định, tạnh ráo.
 - B. nắng nóng, trời nhiều mây.
 - C. nắng, ít mây và mưa nhiều.
 - D. nắng nóng và mưa nhiều.
6. Vị trí địa lí của nước ta tạo điều kiện thuận lợi cho việc
 - A. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
 - B. phát triển nền nông nghiệp cận nhiệt và ôn đới.
 - C. phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.
 - D. bảo vệ an ninh quốc phòng trên đất liền và biển.
7. Căn cứ vào biểu đồ tròn thuộc bản đồ chăn nuôi ở Átlát Địa lí Việt Nam trang 19, trong giai đoạn 2000-2007 tỉ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng
 - A. 3,1%.
 - B. 7,1%.
 - C. 9,1%.
 - D. 5,1 %.
8. Đặc điểm địa hình có ý nghĩa lớn trong việc bảo toàn tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta là
 - A. đồng bằng chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích và phân bố chủ yếu ở ven biển.
 - B. đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

- C. đồi núi chiếm phần lớn diện tích, trong đó có nhiều vùng núi độ cao đạt trên 2000m.
- D. các dãy núi chạy theo hướng chính là tây bắc-đông nam và hướng vòng cung.

9. Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta là

- A. xây dựng các nhà máy công nghiệp quy mô lớn.
- B. phân bố lại lực lượng lao động trên quy mô cả nước.
- C. phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở các đô thị.
- D. hợp tác lao động quốc tế để xuất khẩu lao động.

10. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: %)

Khu vực	Nông thôn	Thành thị
Năm		
1996	79,9	20,1
2005	75,0	25,0
2010	73,1	26,9
2014	69,6	30,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê, 2015)

Nhận xét nào sau đây là đúng từ bảng số liệu trên?

- A. Phần lớn lao động sống ở nông thôn do mức thu nhập cao.
- B. Tỷ lệ lao động ở thành thị cao và có xu hướng tăng nhanh.
- C. Đô thị hóa của nước ta đang ở mức cao so với thế giới.
- D. Phần lớn lao động sống ở nông thôn nên quỹ thời gian rảnh dỗi còn nhiều.

11. Sự chuyển dịch cơ cấu mùa vụ ở nước ta nhằm mục đích chính là để

- A. thích ứng với các biến động của thị trường trong và ngoài nước.
- B. mở rộng diện tích gieo trồng lúa và diện tích cây ăn quả.
- C. thích ứng với các điều kiện tự nhiên và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
- D. khả năng xen canh các loại cây trồng ngắn ngày khác trên đất lúa.

12. Đặc điểm đặc trưng nhất của nền nông nghiệp nước ta là

- A. nông nghiệp thâm canh trình độ cao, sử dụng nhiều máy móc hiện đại.
- B. có sản phẩm phong phú và đa dạng gồm nhiệt đới, ôn đới và cận nhiệt.
- C. nông nghiệp nhiệt đới và đang phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa.
- D. đang xóa dần kiểu sản xuất nhỏ manh mún, năng suất lao động thấp.

13. Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững thể hiện ở

- A. nhịp độ tăng trưởng cao và ổn định.
- B. tốc độ tăng trưởng cao và bảo vệ được môi trường.
- C. nhịp độ tăng trưởng cao và có cơ cấu kinh tế hợp lí.
- D. cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch hợp lí.

14. Loại khoáng sản có giá trị kinh tế cao đang khai thác ở Biển Đông là

- A. dầu mỏ, khí đốt.
- B. sa khoáng, khí đốt.
- C. ti tan, dầu mỏ.
- D. vàng, dầu mỏ.

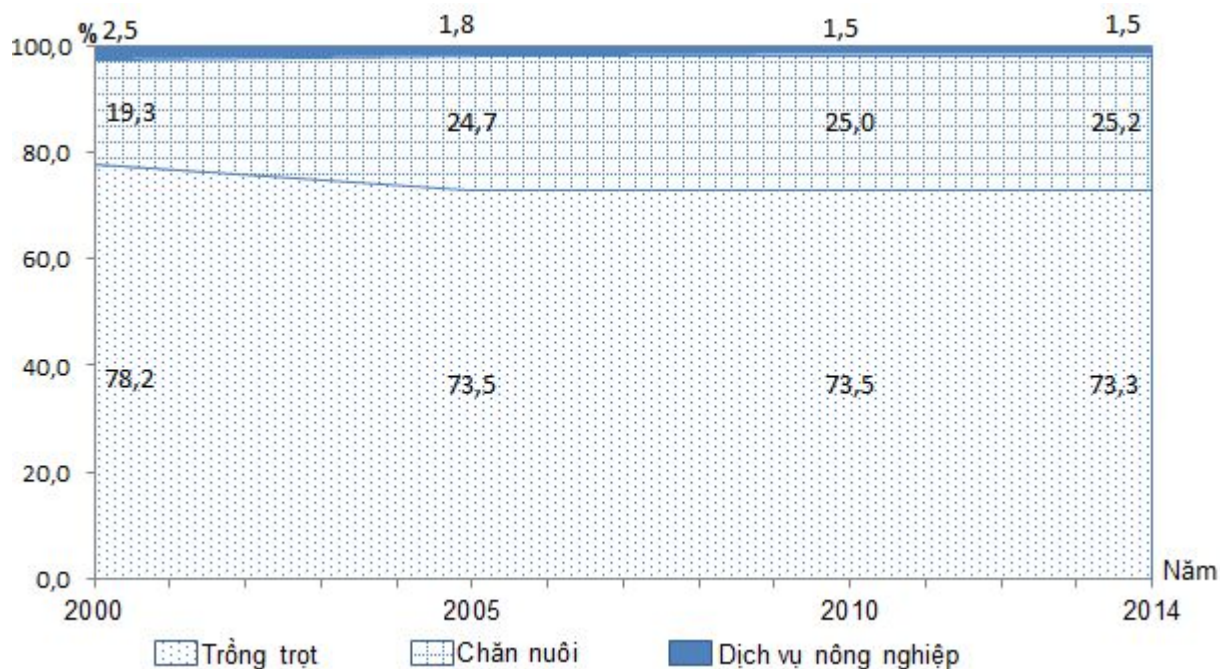
15. Nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong thời gian gần đây là

- A. phát triển công nghiệp chế biến. B. mở rộng thị trường.
 C. tăng số lượng tàu thuyền và công suất của tàu. D. ngư dân có kinh nghiệm.

16. Căn cứ vào **Átlát Địa lí Việt Nam trang 15, số lượng đô thị loại đặc biệt (năm 2007) ở nước ta là**

- A. 3. B. 5.
 C. 4. D. 2.

17. Cho biểu đồ:



Biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá trị thực tế phân theo ngành của nước ta qua các năm (%)

Căn cứ vào biểu đồ cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Dịch vụ nông nghiệp đã thực sự phát triển mạnh ở các vùng nông thôn nước ta.
 B. Năm 2014 tỉ trọng ngành chăn nuôi đã tương xứng với ngành trồng trọt.
 C. Tỉ trọng đóng góp của các ngành nông nghiệp chênh lệch nhau không đáng kể.
 D. Trong ngành nông nghiệp, trồng trọt vẫn là ngành chủ đạo.

18. Nguyên nhân cơ bản làm **Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long là**

- A. đất đai màu mỡ, phì nhiêu hơn. B. lịch sử khai thác lãnh thổ sớm hơn.
 C. khí hậu thuận lợi hơn. D. giao thông thuận tiện hơn.

19. Cho bảng số liệu: **DIỆN TÍCH RỪNG CỦA VIỆT NAM QUA CÁC NĂM**

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,8
1993	7,2	6,8	0,4	22,0
2000	10,9	9,4	1,5	33,1
2014	13,8	10,1	3,7	40,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê, 2015)

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

- A. Giai đoạn 1943-1993, trồng rừng không bù lại được so với nạn phá rừng.

- B. Năm 1943, diện tích rừng nước ta hoàn toàn là rừng tự nhiên, độ che phủ 43,8%.
- C. Diện tích rừng trồng của nước ta liên tục tăng, trong 71 năm đã tăng 3,7 triệu ha.
- D. Độ che phủ rừng của nước ta giảm liên tục và giảm 2,4 %.

20. Tỉnh nào sau đây của nước ta có biên giới giáp cả Lào và Trung Quốc?

- A. Điện Biên.
- B. Hà Giang.
- C. Lai Châu.
- D. Lào Cai.

21. Giải pháp quan trọng nhất đối với vấn đề sử dụng đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng là

- A. khai hoang mở rộng diện tích.
- B. đẩy mạnh thâm canh tăng vụ.
- C. phát triển các cây đặc sản có giá trị kinh tế cao.
- D. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

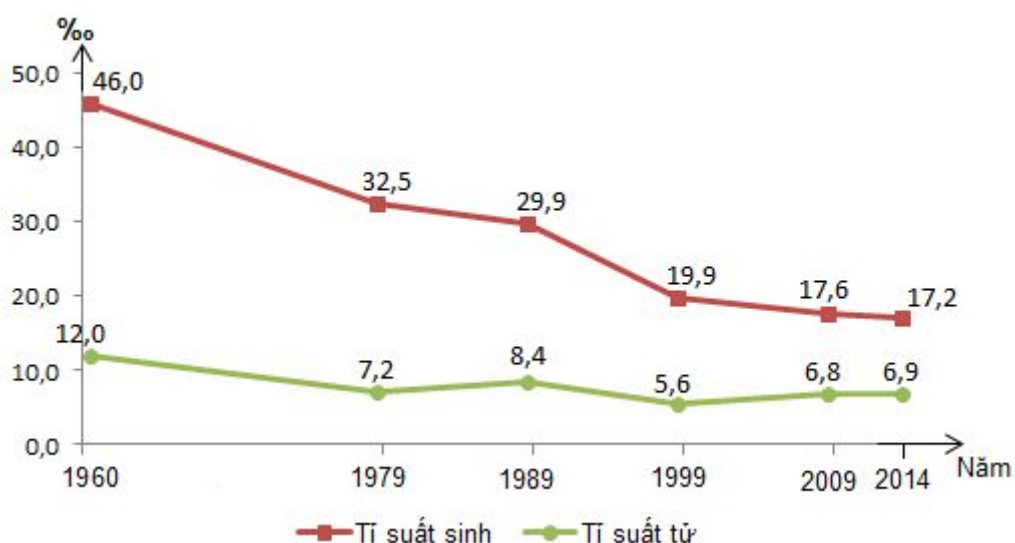
22. Các dãy núi ở nước ta chạy theo hai hướng chính là

- A. hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung.
- B. hướng đông nam – tây bắc và vòng cung.
- C. hướng vòng cung và đông nam – tây bắc.
- D. hướng vòng cung và hướng đông bắc – tây nam.

23. Đặc điểm khác biệt nổi bật về địa hình của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. có hệ thống đê ven sông ngăn lũ.
- B. không ngừng mở rộng ra phía biển.
- C. địa hình thấp và bằng phẳng.
- D. có một số ô trũng ngập nước.

24. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ tỉ suất sinh, tỉ suất tử của nước ta giai đoạn 1960-2014.

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng?

- A. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên có xu hướng tăng.
 - B. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên giảm chủ yếu do tỉ suất tử tăng.
 - C. Tỉ suất tử của nước ta không biến động.
 - D. Tỉ suất sinh của nước ta liên tục giảm.
25. Hiện nay, nước ta có tỉ suất sinh tương đối thấp là do
- A. số người trong độ tuổi sinh đẻ ít.
 - B. thực hiện tốt công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình.
 - C. đời sống nhân dân khó khăn.
 - D. xu hướng sống độc thân ngày càng phổ biến.

- 26. Phần lớn diện tích lãnh thổ (phần đất liền) của nước ta có độ cao**
- A. dưới 1000m. B. trên 2000m.
C. từ 1000m – 2000m. D. dưới 200m.
- 27. Sự phân mùa của khí hậu nước ta chủ yếu là do**
- A. ảnh hưởng của khối không khí từ vịnh Bengan (TBg) và tín phong nửa cầu Bắc (Tm).
B. ảnh hưởng của khối không khí hoạt động theo mùa khác nhau về hướng và tính chất.
C. ảnh hưởng của khối không khí lạnh (NPc) và khối không khí xích đạo (Em).
D. ảnh hưởng của tín phong nửa cầu Bắc (Tm) và khối không khí xích đạo (Em).
- 28. Các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên ở nước ta được xếp vào nhóm**
- A. rừng sản xuất. B. rừng phòng hộ.
C. rừng đặc dụng. D. rừng tái sinh.
- 29. Căn cứ vào Átlát Địa lí Việt Nam trang 17, các trung tâm kinh tế nước ta xếp theo thứ tự giảm dần về quy mô (năm 2007) là**
- A. Hà Nội, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Nha Trang. B. Hà Nội, Nha Trang, Đà Nẵng, Thanh Hóa.
C. Hà Nội, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Nha Trang. D. Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang, Thanh Hóa.
- 30. Để giảm tình trạng di dân tự do vào đô thị, giải pháp lâu dài và chủ yếu là**
- A. hạn chế sự gia tăng dân số tự nhiên cả ở nông thôn và thành thị.
B. phát triển và mở rộng mạng lưới các đô thị để tăng sức chứa dân cư.
C. phát triển mạng lưới đô thị hợp lí, đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn.
D. xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ở đô thị.
- 31. Ở Trung Bộ nguyên nhân gây ngập lụt mạnh vào tháng 9-10 là do**
- A. mưa diện rộng, mặt đất thấp xung quanh có đê bao bọc. B. mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.
C. các hệ thống sông lớn, lưu vực rộng. D. mưa lớn kết hợp triều cường.
- 32. Nguyên nhân cơ bản khiến tỉ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn nước ta khá cao là do**
- A. thu nhập của người nông dân thấp, chất lượng cuộc sống không cao.
B. tính chất mùa vụ của sản xuất nông nghiệp, nghề phụ kém phát triển.
C. cơ sở hạ tầng ở nông thôn, nhất là mạng lưới giao thông kém phát triển.
D. ngành dịch vụ và các cơ sở công nghiệp chế biến kém phát triển.
- 33 Mục tiêu ban hành “Sách đỏ Việt Nam” là**
- A. kiểm kê các loài động thực vật quý hiếm ở Việt Nam.
B. bảo vệ nguồn gen động, thực vật hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng.
C. đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật của đất nước.
D. bảo tồn các loài động vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng.
- 34. Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lí tưởng vì**
- A. có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.
B. không có bão lụt ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.
C. có những hệ núi cao ăn lan ra tận biển nên bờ biển khúc khuỷu.
D. có thềm lục địa thoải và kéo dài sang tận Ma-lai-xi-a.
- 35. Căn cứ vào Átlát Địa lí Việt Nam trang 10, khu vực có đặc điểm mạng lưới sông ngòi ngắn, nhỏ, chạy theo hướng tây-đông ở nước ta là**
- A. vùng núi Đông Bắc. B. đồng bằng sông Hồng.
C. đồng bằng sông Cửu Long. D. duyên hải Nam Trung Bộ.

36. Cho bảng số liệu: DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP HÀNG NĂM VÀ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	Cây công nghiệp hàng năm	Cây công nghiệp lâu năm
1975	210,1	172,8
1985	600,7	470,3
1995	716,7	902,3
2000	778,1	1451,3
2005	861,5	1633,6
2014	711,1	2133,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê, 2015)

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Giai đoạn 1995-2014, diện tích cây công nghiệp lâu năm ít hơn diện tích cây công nghiệp hàng năm.
- B. Giai đoạn 1975-1985, diện tích cây công nghiệp hàng năm ít hơn diện tích cây công nghiệp lâu năm.
- C. Giai đoạn 1975-2014, diện tích cây công nghiệp hàng năm có tốc độ tăng nhanh hơn diện tích cây công nghiệp lâu năm.
- D. Giai đoạn 1975-2014, diện tích cây công nghiệp của nước ta tăng 7,4 lần.

37. Nguyên nhân dẫn tới sự phân hóa lượng mưa theo không gian ở nước ta là

- A. tác động của hướng các dãy núi.
- B. tác động kết hợp của gió mùa và địa hình.
- C. sự phân hóa độ cao địa hình.
- D. tác động của gió mùa.

38. Lãnh thổ Việt Nam là nơi

- A. giao tranh của các khối khí hoạt động theo mùa.
- B. gió mùa mùa hạ hoạt động quanh năm.
- C. các khối khí hoạt động tuần hoàn, nhịp nhàng.
- D. gió mùa mùa đông hoạt động quanh năm.

39. Ở nước ta, sự hiện diện của dãy Trường Sơn đã làm cho vùng Bắc Trung Bộ

- A. chịu ảnh hưởng của bão nhiều hơn các vùng khác.
- B. có mùa mưa chậm dần sang thu đông và gió Tây khô nóng.
- C. có nhiều ưu thế để phát triển ngành chăn nuôi.
- D. đồng bằng bị thu hẹp và chia cắt thành đồng bằng nhỏ.

40. Căn cứ vào Átlát Địa lí Việt Nam trang 11, vùng tập trung diện tích đất feralit trên đá ba dan có quy mô lớn nhất ở nước ta là

- A. Đông Bắc.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Tây Nguyên.

-----Hết-----

Họ tên học sinh.....SBD.....

*Học sinh được sử dụng Át lát Địa lí Việt Nam, không được sử dụng tài liệu.
Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

ĐÁP ÁN

1	C	11	C	21	B	31	B
2	A	12	C	22	A	32	B
3	C	13	C	23	A	33	B
4	C	14	A	24	D	34	A
5	A	15	C	25	B	35	D
6	A	16	D	26	A	36	D
7	D	17	D	27	B	37	B
8	B	18	B	28	C	38	A
9	C	19	D	29	D	39	B
10	D	20	A	30	C	40	D